**NHÓM 1**

**Tên thành viên**

1. **Phạm Thế Thanh -Trường PTDTBT THCS Yên Lập**
2. **Nguyễn Thị Thanh Hằng – Trường THCS Lang Quán – Nhóm trưởng**
3. **Nguyễn Thị Duyên – Trường TH&THCS Bằng Cốc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiết theo KHGD | Lớp, ngày dạy, sĩ số: | |
| 9A | 9B |
| 9 | / / 2024 | / / 2024 |

**TIẾT 18: KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**Năm học 2024-2025**

**Môn: Công nghệ 9 (Sách cánh diều)**

## I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra cuối học kì I, khi kết thúc nội dung:

1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam.

4. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp

5. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

6. Đánh giá mức độ phù hợp với ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).

- Cấu trúc: + Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.

+ Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, gồm 28 câu hỏi (ở mức độ Nhận biết: 16 câu, Thông hiểu 12 câu)

+ Phần tự luận: 3,0 điểm (Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1 điểm)

- Nội dung nửa đầu học kì: 30% (3,0 điểm)

- Nội dung nửa học kì sau: 70% (7,0 điểm)

| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Số tiết/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | **Tổng số câu/ý** | | **Tổng % điểm** | **Tổng điểm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TN** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Định hướng nghề nghiệp** | 1.1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | 2 | 2 | 2 |  |  |  |  | 4 |  | 10,00 | 1,0 |
| 1.2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân | 3 | 2 | 2 |  |  |  |  | 4 | 0 | 10,00 | 1,0 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | 1.3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại Việt Nam | 2 | 2 | 2 |  |  |  |  | 4 | 0 | 10,00 | 1,0 |
| **Tổng số nội dung đã kiểm tra giữa kì** | **7** | **6** | **6** | **0** | **0** | **0** | **0** | **12** | **0** | **30** | **3** |
| 1.4. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp | 2 | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 | 1 | 20,00 | 2,25 |
| 1.5. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | 3 | 7 | 4 |  |  |  |  | 11 | 0 | 27,50 | 2,75 |
| 1.6. Đánh giá mức độ phù hợp với ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | 2 | 2 | 2 |  |  |  | 1 | 4 | 1 | 20,00 | 2,0 |
| **Tổng số nội dung chưa kiểm tra giữa kì** | **7** | **10** | **6** | **0** | **1** | **0** | **1** | **16** | **2** | **70** | **7** |
| **Tổng** | | | **12** | **16** | **12** | **0** | **1** | **0** | **1** | **28** | **2** | **100** | **10** |
| **Tỉ lệ %** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** | **100%** |  |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **70%** | | **30%** | | | |  |  | **100%** |  |

**II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VD cao** |
| **1** | **Định hướng nghề nghiệp** | 1.1. Nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm nghề nghiệp.   - Trình bày được tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với con người và xã hội.   * Kể tên được một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. * Trình bày được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. * Trình bày được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Thông hiểu:**   * Phân tích được ý nghĩa của việc lựa chọn đúng đắn nghề nghiệp của mỗi người. * Phân tích được những đặc điểm của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   - Phân tích được những yêu cầu chung của các ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  **Vận dụng:**  - Phát biểu được quan điểm cá nhân về việc lựa chọn nghề nghiệp của bản thân.  - Xác định được sự phù hợp của bản thân với ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **2** | **2** |  |  |
| 1.2. Giáo dục kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục quốc dân | **Nhận biết:**   * Kể tên được những thành tố chính trong hệ thống giáo dục tại Việt Nam. * Nhận ra được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.   - Nhận ra được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.   * Trình bày được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.   **Thông hiểu:**   * Mô tả được cơ cấu hệ thống giáo dục tại Việt Nam.   - Giải thích được các thời điểm có sự phân luồng trong hệ thống giáo dục.  *-* Giải thích được cơ hội lựa chọn nghề nghiệp kĩ thuật, công nghệ trong hệ thống giáo dục.   * Giải thích được những hướng đi liên quan tới nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ sau khi kết thúc THCS.   **Vận dụng:**  Tìm hiểu được thông tin về các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **2** | **2** |  |  |
| 1.3. Thị trường lao động kĩ thuật, công nghệ tại  Việt Nam | **Nhận biết:**   * Trình bày được khái niệm về thị trường lao động. * Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường lao động.   Trình bày được vai trò của thị trường lao động trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   * Trình bày được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.   **Thông hiểu:**  - Mô tả được những vấn đề cơ bản của thị trường lao động tại Việt Nam hiện nay.   * Phân tích được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ.   **Vận dụng:**  Tìm kiếm được các thông tin về thị trường lao động trong lĩnh vực kĩ thuật và công nghệ. | **2** | **2** |  |  |
| 1.4. Lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp | **Nhận biết:**  - Kể tên được một số lí thuyết lựa chọn nghề nghiệp.  **Thông hiểu:**  *-* Tóm tắt được một số lí thuyết cơ bản về lựa chọn nghề nghiệp. | **1** |  | **1** |  |
| 1.5. Lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **Nhận biết:**   * Trình bày được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp. * Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Thông hiểu:**  Giải thích được các bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp.   * Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Vận dụng:**  Xác định được các yếu tố ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp của bản thân trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **7** | **4** |  |  |
| 1.6. Đánh giá mức độ phù hợp với ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **Nhận biết:**   * Kể tên được một số năng lực cá nhân phù hợp với một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Thông hiểu:**   * Giải thích được sự phù hợp của cá nhân với một số ngành nghề trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.   **Vận dụng:**  Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ.  **Vận dụng cao:**  - Tự đánh giá được năng lực, sở thích, cá tính của bản thân, bối cảnh của gia đình về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ. | **2** | **2** |  | **1** |
|  |  |  | **Tổng** | **16TN** | **12TN** | **1TL** | **1TL** |
|  |  |  | **Tỉ lệ %** | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |
|  |  |  | **Tỉ lệ chung** | **70%** | | **30%** | |

**III. NỘI DUNG ĐỀ KIỂM TRA**

**Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm)**

***Chọn phương án trả lời đúng nhất cho các câu sau (mỗi câu đúng được 0,25 điểm)***

**Câu 1:** Tầm quan trọng của nghề nghiệp đối với xã hội là

**A. tạo ra của cải vật chất và tinh thần góp phần phát triển xã hội.**

B. tạo ra của cải vật chất cho con người.

C. góp phần phát triển văn hóa.

D. không có tầm quan trọng đặc biệt nào.

**Câu 2:** Sản phẩm của ngành nghề kỹ thuật, công nghệ **không** bao gồm

A. Ô tô. **B. Nước cam.** C. Máy tính. D. Máy bay.

**Câu 3:** Yếu tố nào dưới đây **không** phải là mối nguy hại cho sức khỏe của người lao động trong ngành nghề kĩ thuật, công nghệ?

A. Khí độc.  **B. Nước sạch.** C. Điện từ trường. D. Khói bụi.

**Câu 4:** Tại sao việc lựa chọn đúng nghề nghiệp được coi là quan trọng đối với mỗi người?

A. Chỉ để đảm bảo có nguồn thu nhập. B. Để có thêm thời gian cho bản thân.

C. Để phát triển nghề nghiệp. **D. Đảm bảo hạnh phúc và chất lượng cuộc sống.**

**Câu 5:** Giáo dục trung học phổ thông được thực hiện trong bao nhiêu năm học?

A. 5. B. 4. C. 6.  **D. 3.**

**Câu 6:** Giáo dục phổ thông có mấy thời điểm phân luồng?

A. 1. B. 3. C. 4. **D. 2.**

**Câu 7:** Giáo dục nghề ở Việt Nam bao gồm các hình thức nào?

A. Dạy nghề sơ cấp và tiểu học. B. Dạy nghề trung cấp và đại học.

**C. Dạy nghề sơ cấp, trung cấp và cao đẳng.** D. dạy nghề tại chức và ngắn hạn.

**Câu 8:**Kỹ sư xây dựng là người trực tiếp quản lý các dự án liên quan đến xây dựng, đảm bảo chúng được triển khai theo đúng kế hoạch và tiến độ. Để trở thành một kỹ sư xây dựng em cần học tốt tổ hợp môn học nào dưới đây?

A. Toán, Hóa, Địa.   **B. Toán, Lý, Hóa.** C. Văn, Sử, Địa. D. Toán, Sử, Vẽ.

**Câu 9:** Có mấy yếu tố chính ảnh hưởng tới thị trường lao động?

A. 1. B. 2. C. 3. **D. 4.**

**Câu 10:** Thị trường lao động có vai trò như thế nào trong việc định hướng nghề nghiệp thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Thị trường lao động không ảnh hưởng đến định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực này.

**B. Giúp người học định hướng lựa chọn ngành nghề, trình độ đào tạo phù hợp với năng lực.**

C. Thị trường lao động chỉ ảnh hưởng đến việc tuyển dụng người lao động, không định hướng nghề nghiệp.

D. Giúp người lao động không có cơ hội được tuyển dụng vào vị trí việc làm phù hợp năng lực.

**Câu 11:** Xu hướng của thị trường lao động ở Việt Nam hiện nay là gì?

A. Xu hướng cung và cầu cân bằng. B. Xu hướng không rõ ràng.

C. Xu hướng cầu lớn hơn cung. **D. Xu hướng cung lớn hơn cầu.**

**Câu 12:** Chất lượng nguồn lao động của Việt Nam vẫn còn một số hạn chế nào dưới đây?

A. Tỉ lệ lao động đã qua đào tạo nghề còn cao. B. Kĩ năng hợp tác còn tốt.

**C. Năng lực chuyên môn chưa cao.**  D. Kinh nghiệm việc làm còn cao.

**Câu 13:**Mô hình lí thuyết cây nghề nghiệp gồm mấy phần chính?

A.1 phần. **B. 2 phần.**  C. 3 phần. D. 4 phần.

**Câu 14:**Có bao nhiêu bước trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp?

A. 1 bước. B. 2 bước. **C. 3 bước.** D. 4 bước.

**Câu 15:** Bước cuối cùng trong quy trình lựa chọn nghề nghiệp là

**A. Ra quyết định.**  B. Đánh giá bản thân.

C. Tìm hiểu thị trường lao động. D.Tìm hiểu truyền thống gia đình.

**Câu 16:** Yếu tố nào dưới đây thuộc nhóm yếu tố chủ quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Xã hội. **B. Sở thích.**  C. Nhà trường. D. Gia đình.

**Câu 17:** Yếu tố nào dưới đây thuộc nhóm yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Năng lực. B. Sở thích. C. Cá tính. **D. Bạn bè.**

**Câu 18:**Có mấy yếu tố chủ quan chính ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. 1 yếu tố. B. 2 yếu tố. **C. 3 yếu tố.**  D. 4 yếu tố.

**Câu 19:** Có mấy yếu tố khách quan chính ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. 1 yếu tố. B. 2 yếu tố. C. 3 yếu tố. **D. 4 yếu tố.**

**Câu 20:** Yếu tố nào dưới đây là yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Năng lực của bản thân. **B. Nhu cầu của xã hội.**

C. Sở thích của bản thân. D. Cá tính của bản thân.

**Câu 21:** Yếu tố nào dưới đây **không** phải là yếu tố khách quan ảnh hưởng tới quyết định lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

A. Bối cảnh gia đình. **B. Cá tính của bản thân.**

C. Định hướng của nhà trường. D. Sự tác động của bạn bè.

**Câu 22:** Yếu tố nào được xem xét là yếu tố quan trọng nhất khi lựa chọn nghề nghiệp?

**A. Năng lực của bản thân.**  B. Bối cảnh gia đình.

C. Định hướng của nhà trường. D. Nhu cầu xã hội.

**Câu 23:** Bước nào là quan trọng nhất trong quá trình lựa chọn nghề nghiệp?

A. Bước ra quyết định. B. Bước tìm hiểu thị trường lao động.

**C. Bước đánh giá bản thân.**  D. Bước tìm hiểu thông tin các ngành nghề.

**Câu 24:** Yếu tố nào ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả làm việc đối với nghề nghiệp đã lựa chọn?

**A. Cá tính của bản thân.** B. Bối cảnh gia đình.

C. Nhu cầu xã hội. D. Định hướng của nhà trường.

**Câu 25:** Đánh giá mức độ phù hợp với ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ gồm mấy tiêu chí?

1. 3. B. 4. C. 5. **D. 6.**

**Câu 26:** Đâu **không** phải là tiêu chí đánh giá mức độ phù hợp với ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ?

1. Đánh giá mức độ phù hợp của sở thích với ngành nghề.
2. Đánh giá mức độ phù hợp của cá tính bản thân với ngành nghề.
3. Đánh giá mức độ phù hợp của bối cảnh gia đình với một số ngành nghề.
4. **Đánh giá mức độ theo định hướng của nhà trường.**

**Câu 27:** Kĩ sư cơ khí, chế tạo cần có năng lực cá nhân nào để thực hiện tốt công việc?

**A. Kĩ năng vẽ kĩ thuật và đọc bản vẽ.** B.Kĩ năng lập trình cơ bản.

C. Khả năng thuyết trình và đàm phán. D. Khả năng thiết kế giao diện người dùng

**Câu 28:** Muốn lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, bản thân cần phải hiểu rõ những yếu tố nào sau đây?

A. Sở thích và môi trường làm việc.

B. Khả năng, sở thích, cá tính và cơ hội việc làm.

C. Công việc ổn định và lương cao.

**D. Khả năng, sở thích, cá tính và giá trị nghề nghiệp.**

**Phần II: Tự luận (3 điểm)**

**Câu 29: (2 điểm)** Dựa vào lí thuyết mật mã Holland, em hãy tự xác định nhóm tính cách của bản thân và kể tên một số công việc phù hợp với nhóm tính cách đó. Báo cáo kết quả với thầy cô.

**Câu 30: (1 điểm)** Em hãy tự đánh giá sở thích của bản thân về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ bằng cách hoàn thiện bảng sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Lựa chọn** | | |
| **Có** | **Không** | **Phân vân** |
| 1 | Tôi thích tập thể dục hoặc chơi thể thao. | ? | ? | ? |
| 2 | Tôi thích làm hoặc tham gia cá hoạt động ngoài trời. | ? | ? | ? |
| 3 | Tôi thích tìm hiểu về thế giới xung quanh mình (thiên nhiên, không gian, những sinh vật sống). | ? | ? | ? |
| 4 | Tôi thích sửa hữa đồ vật, vật dụng, máy móc xung quanh tôi. | ? | ? | ? |
| 5 | Tôi thích làm việc, sử dụng tay chân (làm vườn, dọn dẹp nhà cửa). | ? | ? | ? |
| 6 | Tôi thích làm việc với đồ vật cụ thể, máy móc, dụng cụ,… | ? | ? | ? |
| 7 | Tôi thích dành dụm tiền. | ? | ? | ? |
| 8 | Tôi thích những công việc cho ra kết quả có thể nhìn thấy được. | ? | ? | ? |
| 9 | Tôi không thích tranh luận với các công việc đồi hỏi phải giao tiếp, hợp tác với người khác. | ? | ? | ? |
| 10 | Tôi không thích phát biểu trước đám đông và các sự kiện xã hội, các hoạt động văn hóa nghệ thuật. | ? | ? | ? |
| HS tự đánh giá: Không phù hợp Ít phù hợp Phù hợp | | | | |

**V. ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM**

**PHẦN I: Trắc nghiệm (7 điểm) – Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| **Đáp án** | A | B | B | D | D | D | C | B | D | B | D | C | B | C |
| **Câu** | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |
| **Đáp án** | A | B | D | C | D | B | B | A | C | A | D | D | A | D |

**PHẦN II: Tự luận (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Hướng dẫn chấm** | **Điểm** |
| **Câu 29 (2 điểm)** | - Em tự nhận thấy mình thuộc nhóm tính cách nguyên tắc.  - Một số công việc phù hợp với nhóm tính cách của em là:  + Thợ điện  + Sửa chữa máy móc  - Báo cáo kết quả với thầy cô:  Bản thân em học tốt môn Toán và các môn về khoa học tự nhiên. Em thích làm việc với máy móc và theo học ngành kĩ thuật điện. Bản thân em muốn làm việc tại một công ty sản xuất thiết bị điện. Em mong muốn sẽ hoàn thành tốt công việc của mình để được được công ty giao nhiều nhiệm vụ quan trọng. | **0,5**  **0,5**  **1,0** |
| **Câu 30 (1 điểm)** | - Học sinh tự đánh giá đúng sở thích của bản thân về mức độ phù hợp với một số ngành nghề thuộc lĩnh vực kĩ thuật, công nghệ thì được 1 điểm, đánh giá chưa đúng thì không được điểm.  *Lưu ý: Mỗi câu chỉ lựa chọn một trong ba phương án. Mỗi câu lựa chọn có được tính 1 điểm.*  *HS tự đánh:*  *+ Phù hợp: Tổng điểm ở cột có đạt 5 điểm trở lên.*  *+ Ít phù hơp: Tổng điểm ở cột có đạt từ 3 - 4 điểm.*  *+ Không phù hợp: Tổng điểm ở cột có đạt từ 0 - 2 điểm.* |  |

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com